

Số: 97/2021/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 14 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 87/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: Bà **Ngũ Thị H**, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã B, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: 1/ Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1969.

2/ Ông **Phạm Văn U**, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã B, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn U*: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã B, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2021).

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn U có nghĩa vụ trả bà Ngũ Thị H số tiền hui còn nợ 144.360.000đ (*Một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## **2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Ngủ Thị H có nghĩa vụ nộp 1.804.500đ (*Một triệu tám trăm lẻ bốn ngàn năm trăm đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp 7.050.000đ (*Bảy triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0016790 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả lại bà H số tiền chênh lệch là 5.245.500đ (*Năm triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm đồng*).

Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn U có nghĩa vụ nộp 1.804.500đ (*Một triệu tám trăm lẻ bốn ngàn năm trăm đồng*). Nhưng bà T là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn phần án phí cho bà T là 902.250đ (*Chín trăm lẻ hai ngàn hai trăm năm mươi đồng*) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phần án phí còn lại 902.250đ (*Chín trăm lẻ hai ngàn hai trăm năm mươi đồng*) buộc ông U có nghĩa vụ nộp.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thúy An**